

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ ĐẠT – KHÔNG ĐẠT

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|--|--|
| 1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ. | | |
| 1.1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, bao gồm các yếu tố như công suất, hiệu suất của máy móc, thiết bị; mức tiêu hao điện năng... | <ul style="list-style-type: none"> - Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ đáp ứng bằng hoặc tương đương yêu cầu về đặc tính kỹ thuật đã nêu tại Chương V, Phần 2 trong E-HSMT. - Cam kết hàng hóa thuộc gói thầu mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đủ điều kiện lưu thông trên thị trường, giá chào thầu đã bao gồm đầy đủ các vật tư, phụ kiện và dịch vụ kỹ thuật kèm theo để lắp đặt hoàn chỉnh, vận hành, đào tạo chuyên gia, bảo trì, bảo hành theo yêu cầu của chủ đầu tư. - Nhà thầu phải cung cấp bảng chào kỹ thuật hàng hóa dự thầu và bảng so sánh giữa thông số kỹ thuật hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT, đồng thời phải chỉ rõ tài liệu tham chiếu để chứng minh là tài liệu nào của E-HSDT, mục nào, trang bao nhiêu của tài liệu. | Đạt |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Không có hoặc có nhưng không đáp ứng toàn bộ hoặc một trong các nội dung nêu trên. | Không đạt |
| 2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa. | | |
| 2.1. Giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt thiết bị, đào tạo chuyên gia. | <p align="center">Đáp ứng toàn bộ các yêu cầu sau:</p> <p>1. Có thuyết minh rõ ràng, chi tiết biện pháp tổ chức thực hiện cung cấp hàng hóa gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp cung cấp hàng hóa: Kiểm tra nghiệm thu hàng hóa trước khi lắp đặt; Biện pháp vận chuyển và phương tiện vận chuyển. - Bảo quản hàng hóa trước khi lắp đặt và bảo quản hàng hóa sau khi lắp đặt chờ nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; - Biện pháp, quy trình thi công lắp đặt hàng hóa; - Biện pháp, quy trình chạy thử/vận hành thử hàng hóa; - Biện pháp phối hợp với chủ đầu tư; Biện pháp giảm thiểu các tác động trong quá trình thi công đến công tác chuyên môn của Chủ | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|--|
| | <p>đầu tư;</p> <p>- Biện pháp an toàn lao động: Biện pháp đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong quá trình thi công; Biện pháp an toàn điện, phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công; Biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường</p> <p>2. Có trình bày kế hoạch đào tạo hướng dẫn sử dụng/vận hành được đánh giá là khả thi và phù hợp với đề xuất về kỹ thuật, tiến độ thực hiện gói thầu và yêu cầu của E-HSMT. Nhà thầu phải đề xuất cán bộ kỹ thuật có chuyên môn am hiểu về thiết bị, hàng hóa cung cấp trực tiếp đào tạo chuyên gia công nghệ và hướng dẫn sử dụng tại đơn vị sử dụng theo yêu cầu và lịch trình đề xuất của đơn vị sử dụng. Đồng thời nhà thầu phải cam kết thời điểm kết thúc quá trình đào tạo được xác định là thời điểm cán bộ được đào tạo sẽ sử dụng thành thạo toàn bộ hàng hóa của gói thầu.</p> <p>3. Đáp ứng tất cả các yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật, và các yêu cầu khác tại chương V, E-HSMT.</p> | |
| | Không đáp ứng toàn bộ hoặc một trong các yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 2.2. Phương án bố trí đủ nguồn lực để thực hiện gói thầu. | - E-HSDT Có trình bày phương án bố trí đủ nguồn lực để thực hiện gói thầu - Nội dung phương án đáp ứng yêu cầu cụ thể tại Chương V. | Đạt |
| | - E-HSDT Không có hoặc có nhưng không đáp ứng toàn bộ hoặc một trong các nội dung nêu tại Chương V của E- HSMT. | Không đạt |
| 2.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng hàng hoá, thiết bị từ khâu cung cấp, lắp đặt, đào tạo chuyển giao | - E-HSDT Có trình bày Biện pháp bảo đảm chất lượng hàng hoá, thiết bị từ khâu cung cấp, lắp đặt, đào tạo chuyển giao - Nội dung đáp ứng yêu cầu cụ thể tại Chương V. | Đạt |
| | - E-HSDT Không có hoặc có nhưng không đáp ứng toàn bộ hoặc một trong các nội dung nêu trên. | Không đạt |
| 3. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì. | | |
| 3.1. Thời gian bảo hành | - Có cam kết thời gian bảo hành cho gói thầu đáp ứng yêu cầu tại Chương V | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|------------------------------------|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Có cam kết bảo hành theo tiêu chuẩn bảo hành của nhà sản xuất đối với từng loại hàng hóa - Nội dung đáp ứng yêu cầu cụ thể tại Chương V. - Có cam kết trong thời gian bảo hành nếu hàng hóa gặp sự cố mà trong vòng 2 ngày không khắc phục được phải đổi hàng hóa mới có giá trị và chất lượng tương đương. - Có trình bày chi tiết, hợp lý sơ đồ và thuyết minh sơ đồ quy trình bảo hành hàng hóa. | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - E-HSDT Không có hoặc có nhưng không đáp ứng toàn bộ hoặc một trong các nội dung nêu tại Chương V của E- HSMT. | Không đạt |
| 3.2. Quy trình thực hiện bảo hành. | <ul style="list-style-type: none"> - E-HSDT nêu và thuyết minh quy trình bảo hành từ khi tiếp nhận thông tin đến khi hoàn thành bảo hành - Nội dung đáp ứng yêu cầu cụ thể tại Chương V. - Có cam kết bảo trì hàng hóa trong thời gian bảo hành tối thiểu 04 lần/năm tương đương với 3 tháng 1 lần trực tiếp tại đơn vị sử dụng. Mọi chi phí liên quan đến công tác bảo trì định kỳ sản phẩm do nhà thầu chịu. - Có trình bày chi tiết, hợp lý sơ đồ và thuyết minh sơ đồ quy trình bảo trì hàng hóa, đồng thời phải thuyết minh cụ thể, chi tiết phương án bảo trì hàng hóa để không làm ảnh hưởng tới quá trình dạy và học của giáo viên và học sinh trong trường | Đạt |
| | <ul style="list-style-type: none"> - E-HSDT Không có hoặc có nhưng không đáp ứng toàn bộ hoặc một trong các nội dung nêu tại Chương V của E- HSMT. | Không đạt |
| | 4. Cam kết cung cấp khi giao hàng | |
| 4.1. Cung cấp tài liệu | <ul style="list-style-type: none"> - Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc công chứng: Giấy chứng nhận xuất xứ CO hoặc tài liệu tương đương. - Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc công chứng: Giấy chứng nhận chất lượng CQ hoặc tài liệu tương đương. - Catalogue của thiết bị chào thầu (bản gốc hoặc bản sao công chứng). Nếu bản gốc là | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|--|
| | <p>ngôn ngữ khác thì phải có bản dịch bằng tiếng Việt.</p> <p>- Cam kết cung cấp hàng hóa mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau, nguyên đai, nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</p> <p>- Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa quy định tại chương V với đầy đủ thông số kỹ thuật, xuất xứ, thương hiệu, mã hiệu, nhãn mác, hãng sản xuất.</p> | |
| | - E-HSDT Không có hoặc có nhưng không đáp ứng toàn bộ hoặc một trong các nội dung nêu tại Chương V của E- HSMT. | Không đạt |
| 5. Tiến độ cung cấp, lắp đặt, chạy thử, bàn giao hàng hóa: | | |
| 5.1. Thời gian thực hiện hợp đồng | - E-HSDT Có đề xuất thời gian thực hiện hợp đồng đáp ứng yêu cầu cụ thể tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật. | Đạt |
| | - Không có hoặc có nhưng không đáp ứng toàn bộ hoặc một trong các nội dung nêu trên. | Không đạt |
| 5.2. Bảng kế hoạch tiến độ chi tiết | - E-HSDT Có đề xuất xuất bảng kế hoạch tiến độ chi tiết - Nội dung bảng kế hoạch tiến độ đáp ứng yêu cầu cụ thể tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật. | Đạt |
| | - Không có hoặc có nhưng không đáp ứng toàn bộ hoặc một trong các nội dung nêu trên. | Không đạt |
| 6. Các yếu tố về điều kiện thương mại và các yêu cầu khác | | |
| 6.1 Điều kiện thương mại | Có cam kết sẽ chấp thuận hoàn toàn các điều kiện thương mại đã được nêu tại E-HSMT. Cam kết tuân thủ điều kiện khi nhà thầu chậm quá 1 ngày so với tiến độ chi tiết hoặc so với tổng tiến độ, nhà thầu sẽ bị chấm dứt hợp đồng mà không được báo trước. Đồng thời với việc chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ bị xử phạt theo quy định, giá trị phạt hợp đồng được khấu trừ trực tiếp vào giá trị nhà thầu đã thực hiện | Đạt |
| | Không có cam kết sẽ chấp thuận hoàn toàn các điều kiện thương mại đã được nêu tại E- | Không đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|---|--|
| | <p>HSMT</p> <p>Không có Cam kết tuân thủ điều kiện khi nhà thầu chậm quá 1 ngày so với tiến độ chi tiết hoặc so với tổng tiến độ, nhà thầu sẽ bị chấm dứt hợp đồng mà không được báo trước. Đồng thời với việc chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ bị xử phạt theo quy định, giá trị phạt hợp đồng được khấu trừ trực tiếp vào giá trị nhà thầu đã thực hiện</p> | |
| 7. Uy tín của nhà thầu. | | |
| 7.1. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được ông khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có). | - Nhà thầu phải có văn bản cam kết về uy tín nhà thầu - Nội dung cam kết đáp ứng yêu cầu cụ thể tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật. | Đạt |
| | - Không có hoặc có nhưng không đáp ứng toàn bộ hoặc một trong các nội dung nêu trên. | Không đạt |
| 8. Kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu bàn giao. | | |
| 8.2 Dự thảo kế hoạch Kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu bàn giao | E-HSĐT Có đề xuất bản dự thảo kế hoạch Kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu bàn giao - Nội dung bản dự thảo đáp ứng yêu cầu cụ thể tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật. | Đạt |
| | - Không có hoặc có nhưng không đáp ứng toàn bộ hoặc một trong các nội dung nêu trên. | Không đạt |
| Kết luận | “Đạt” tất cả các nội dung nêu trên | Đạt |
| | “Không đạt” bất cứ nội dung nào nêu trên | Không đạt |